

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 – HUẾ
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2025/HS-ST

Ngày: 26/12/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Cương và ông Võ Nguyên Vũ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trà Thị Mỹ Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Huế tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Trọng Đức Nhã - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 12 năm 2025 tại Tòa án nhân dân khu vực 1 - Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 112/2025/TLST-HS ngày 20 tháng 11 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2025/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 12 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: Hồ Văn Đ, sinh ngày 04 tháng 05 năm 1950 tại thành phố H; Giới tính: Nam; Số CCCD: 046050005732, cấp ngày 09/05/2021; nơi cấp: Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội về - BCA; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện tại: Thôn T, xã P, Thành phố H; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ T (đã chết) và con bà Phan Thị T1, sinh năm 1933 (đã chết); gia đình có 07 anh, chị, em và bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; họ tên vợ: Ngô Thị G, sinh năm 1954; con: 06 người con gồm: Hồ Văn L, sinh năm 1972; Hồ Thị N, sinh năm 1975; Hồ Thị Đ1, sinh năm 1978; Hồ Thị T2, sinh năm 1984; Hồ Thị N1, sinh năm 1990; Hồ Thị M, sinh năm 1993.

Quá trình nhân thân: Lúc nhỏ sống với cha mẹ, tại xã P, thành phố H, lớn lên đi học đến lớp 12/12 thì nghỉ học ở nhà làm nghề buôn bán cho đến ngày phạm tội.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị khởi tố, áp dụng biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 23/07/2025 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Bà Hoàng Thị Mỹ V, sinh năm 1958; địa chỉ: 4 T, phường P, thành phố H, có mặt.

Người làm chứng:

- Bà Nguyễn Thị Hồng L1, sinh năm 1973; địa chỉ: 1 U, phường V, thành phố H, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bà Hồ Thị T3, sinh năm 1984; địa chỉ: Xóm G, phường M, thành phố H; có mặt.

- Bà Lê Thị Xuân C, sinh năm 1978; địa chỉ: 1 Đ, phường H, thành phố H, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào sáng ngày 15/3/2025, Hồ Văn Đ liên lạc với chị Nguyễn Thị Hồng L1 (sinh năm 1973, trú tại phường V, thành phố H) để đến Nhà nghỉ ở địa chỉ số A T, phường V, thành phố H do bà Lê Thị Xuân C (sinh năm 1978, trú tại phường H, thành phố H) làm chủ để tâm sự. Đoàn điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 75H1-318.01 đến Nhà nghỉ cùng chị L1 để thuê phòng thì cả hai được bà Hoàng Thị Mỹ V (sinh năm 1958, trú tại 4 T, phường P, thành phố H) là nhân viên Nhà nghỉ chỉ dẫn cho cả hai vào phòng nghỉ số 1.

Đến khoảng 09 giờ 00 phút cùng ngày, ông Đ đến lấy áo quần để mặc ra về thì phát hiện trên móc áo quần gần cửa phòng nghỉ có 01 túi ni lông màu đen, bên trong có tiền và tài sản nên Đ nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản này nên Đ lén lút lấy túi ni lông bỏ vào túi quần bên phải và đi ra lấy xe mô tô, chạy khỏi Nhà nghỉ để đi ra chợ Đ2 lấy thịt để về cho vợ bán.

Sau khi rời khỏi chợ, ông Đ chạy về nhà chị Hồ Thị T3 (sinh năm 1984, ở tại tổ dân phố N, phường M, thành phố H, là con gái của Đ) nói với chị T3: “Cho ba gửi cái áo mưa”, rồi đi lên tầng 2 nằm nghỉ. Sau đó, Đ nghe có điện thoại của chị L1 nói đi về nhà nghỉ gấp, vì Nhà nghỉ mất tiền. Đoàn chạy về lại nhà nghỉ. Tại nhà nghỉ, bà V hỏi Đ có lấy tiền không, thì Đ nói không lấy. Một lúc sau, bà V mời công an phường V đến làm việc. Tại cơ quan công an, Hồ Văn Đ thừa nhận có lấy tài sản tại nhà nghỉ và đến nhà con gái lấy lại tài sản giao nộp cho cơ quan công an.

Tại cơ quan Công an, Hồ Văn Đ đã khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Ngày 06/05/2025, Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Q ban hành các Phiếu kết quả thử nghiệm, xác định như sau:

Phiếu kết quả thử nghiệm số 060252.001/TNV05 ngày 06/05/2025, hàm lượng vàng 99,963%, khối lượng 3,747g.

Phiếu kết quả thử nghiệm số 060252.002/TNV06 ngày 06/05/2025, hàm lượng vàng 99,990%, khối lượng 7,508g.

Phiếu kết quả thử nghiệm số 060252.003/TNV07 ngày 06/05/2025, hàm lượng vàng 99,923%, khối lượng 18,747g.

Phiếu kết quả thử nghiệm số 060252.004/TNV08 ngày 06/05/2025, hàm lượng vàng 99,983%, khối lượng 18,752g.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 4382/KL-HĐĐGTS ngày 14/05/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận T xác định: 01 (một) chiếc nhẫn vàng có khối lượng 7,508g, hàm lượng vàng 99,990% có trị giá 17.700.000 đồng, 01 (một) chiếc nhẫn vàng có khối lượng 18,752g, hàm lượng vàng 99,983% có trị giá 43.850.000 đồng, 01 (một) chiếc nhẫn vàng có khối lượng 3,747, hàm lượng vàng 99,963% có trị giá 8.720.000 đồng, 01 (một) chiếc nhẫn vàng có khối lượng 18,747g, hàm lượng vàng 99,923% có trị giá 43.350.000 đồng. Tổng tài sản trị giá là 113.620.000 đồng (Một trăm mười ba triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng)

Vật chứng vụ án:

- Tiền Việt Nam: 11.400.000 đồng (Mười một triệu bốn trăm nghìn đồng);
- 01 (một) bì ni lông màu đen kích thước 20cm x 20cm, có chứa 01 (một) túi vải màu đỏ kích thước 7cm x 7cm, bên trong gồm có 04 (bốn) chiếc nhẫn hình tròn bằng kim loại, màu vàng, có đặc điểm: 02 chiếc mặt trong nhẫn có khắc chữ “24k50”, đường kính 22mm; 01 chiếc mặt trong nhẫn có khắc chữ “24k10”, đường kính 19mm; 01 chiếc mặt trong nhẫn có khắc chữ “24k20”, đường kính 19mm.
- 01 (một) xe mô tô Honda Wave, biển kiểm soát 75H1-318.01, số khung 3118EY164275, số máy JA31E0302386;

Tại bản Cáo trạng số 25/CT-VKSKV1 ngày 19 tháng 11 năm 2025, Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Huế đã truy tố Hồ Văn Đ “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Huế giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; các điểm b, o, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Hồ Văn Đ từ 02

năm 06 tháng đến 02 năm 09 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời gian thử thách là 05 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/12/2025).

Hình phạt bổ sung: Do bị cáo tuổi đã cao, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đối với tiền Việt Nam: 11.400.000 đồng (Mười một triệu bốn trăm nghìn đồng) và 01 (một) bì ni lông màu đen kích thước 20cm x 20cm, có chứa 01 (một) túi vải màu đỏ kích thước 7cm x 7cm, bên trong gồm có 04 (bốn) chiếc nhẫn hình tròn bằng kim loại, màu vàng, có đặc điểm: 02 chiếc mặt trong nhẫn có khắc chữ “24k50”, đường kính 22mm; 01 chiếc mặt trong nhẫn có khắc chữ “24k10”, đường kính 19mm; 01 chiếc mặt trong nhẫn có khắc chữ “24k20”, đường kính 19mm; ngày 23/10/2025, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã ra quyết định xử lý vật chứng số 7101/QĐ-VPCQCSĐT bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu là bà Hoàng Thị Mỹ V, sinh năm 1958; địa chỉ: 4 T, phường P, thành phố H. Bà V đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; trả lại 01 xe mô tô Honda Wave, biển kiểm soát 75H1-318.01, số khung 3118EY164275, số máy JA31E0302386 cho bị cáo Hồ Văn Đ.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bà Hoàng Thị Mỹ V số tiền 5.000.000 đồng; bị hại đã nhận đủ tiền, không có yêu cầu gì khác nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Đồng thời, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Hồ Văn Đ do bị cáo là người cao tuổi.

Bị cáo nói lời sau cùng đều rất hối hận về hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quyết định, hành vi tố tụng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Các hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử, cũng như các quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án nhân dân khu vực 1 - Huế trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng về

thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, đủ căn cứ kết luận: Vào ngày 15/3/2025, tại nhà nghỉ ở địa chỉ số A T, phường V, thành phố H, Hồ Văn Đ đã có hành vi lén lút, lợi dụng sơ hở của bị hại để chiếm đoạt 01 bì ni lông có chứa 01 túi vải màu đỏ bên trong gồm có 04 chiếc nhẫn vàng và số tiền 11.400.000 đồng của bà Hoàng Thị Mỹ V với tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 125.020.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Huế truy tố bị cáo Hồ Văn Đ theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm đối với hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo Hồ Văn Đ là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng để có tiền tiêu xài bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự địa phương. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của mình gây ra, cần phải xử phạt nghiêm bị cáo để giáo dục răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân, tiền án và tiền sự: Bị cáo có nhân thân tốt, bị cáo không có tiền án, tiền sự.

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo Hồ Văn Đ không phạm vào tình tiết tăng nặng nào theo quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người phạm tội là người đủ 70 tuổi trở lên”. Tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được quy định tại các o, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Mặc dù bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 5.000.000 đồng. Tuy nhiên xét thấy tài sản do bị cáo trộm cắp đã được trả lại cho bị hại đầy đủ, bị hại cũng không có thiệt hại xảy ra, việc bị cáo bồi thường cho bị hại là sự tự nguyện nên bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự như

Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử ghi nhận thái độ thiện chí, ý thức trách nhiệm và sự ăn năn hối cải của bị cáo trong quá trình giải quyết vụ án để xem xét khi lượng hình.

[5] Về quyết định hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; nhân thân người phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã được phân tích ở trên; trên cơ sở khung hình phạt quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân, cần phải xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, trong vụ án này, hành vi phạm tội của bị cáo mang tính chất bộc phát, ý thức chiếm đoạt của bị cáo không biết tài sản của bị hại có giá trị lớn, hơn nữa lỗi một phần do bị hại quản lý tài sản còn sơ hở, tạo điều kiện để bị cáo thực hiện hành vi phạm tội; tài sản chiếm đoạt đã được thu hồi, trả lại đầy đủ cho bị hại, không gây thiệt hại thực tế, đồng thời bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo Hồ Văn Đ là người phạm tội lần đầu, không có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt; quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo tuổi đã cao (trên 70 tuổi), sức khỏe hạn chế, có nơi cư trú rõ ràng, ổn định, có khả năng tự cải tạo, giáo dục ngoài xã hội và việc cho bị cáo cải tạo ngoài xã hội không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, mà có thể áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; vừa đảm bảo tính răn đe, phòng ngừa chung, vừa thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của Đảng và Nhà nước, phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự: “Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo hiện tuổi đã cao, không có thu nhập ổn định do đó không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 (một) xe mô tô Honda Wave, biển kiểm soát 75H1-318.01, số khung 3118EY164275, số máy JA31E0302386 đứng tên bị cáo Hồ Văn Đ; xét thấy hành vi trộm cắp xảy ra bên trong phòng nghỉ, mang tính bộc phát của bị cáo, bị cáo không sử dụng xe mô tô là công cụ phạm tội nên trả lại cho bị cáo là phù hợp với điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Hình sự.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Hồ Văn Đ do bị cáo là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố: Bị cáo Hồ Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
2. Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 65; các điểm o, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Hồ Văn Đ 02 (Hai) năm 03 (ba) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/12/2025).

Giao bị cáo Hồ Văn Đ cho Ủy ban nhân dân xã P, thành phố H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Nếu người được hưởng án treo thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Trả lại 01 (một) xe mô tô Honda Wave, biển kiểm soát 75H1-318.01, số khung 3118EY164275, số máy JA31E0302386 cho bị cáo Hồ Văn Đ.

Vật chứng nêu trên có đặc điểm theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 26 tháng 11 năm 2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H và Thi hành án dân sự khu vực 1 - Huế.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Hồ Văn Đ được miễn số tiền 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố H;
- VKSND thành phố H;
- Phòng HSNV Công an TP. H;
- CQCSĐT Công an thành phố H;
- VKSND khu vực 1 – Huế;
- THADS thành phố H;
- Phòng THADS khu vực 1 – Huế;
- UBND phường xã Ph, thành phố H;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu: HSVA; Lưu bộ phận.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Hồng